

Bản án số: **09/2017/HNGĐ-ST**

Ngày: 05/7/2017

V/v *Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn.*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Vũ Thị Tuyền**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **Lò Thị Đình** và Bà **Đoàn Thị Quế**

\* Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Quàng Văn Long** - Thư ký  
Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2017/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2017 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2017/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2017/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

**\*) Nguyên đơn:** Bà **Phạm Thị Thúy N** - Sinh năm 1983;

Địa chỉ: Số nhà 122A, tổ dân phố 22, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên;  
Nơi làm việc: Ban quản lý các dự án giao thông trọng điểm tỉnh Đ (nay là Ban quản lý dự án các công trình giao thông tỉnh Đ).

**\*) Bị đơn:** Ông **Nguyễn Hữu T** - Sinh năm 1982;

Địa chỉ: Số nhà 206, tổ dân phố 04, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên;

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/3/2017 và trong quá trình giải quyết, xét xử nguyên đơn bà Phạm Thị Thúy N trình bày:**

- *Về hôn nhân:* Bà N và ông T kết hôn với nhau do hai bên tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào 18/10/2009 tại UBND xã Th, huyện Th, tỉnh Thái Bình. Trong quá trình chung sống tại số nhà 59, tổ dân phố 26, phường M, thành phố Đ có nảy sinh nhiều mâu thuẫn và ngày càng nghiêm trọng, không thể hàn gắn được, nên ông bà đã sống ly thân với nhau từ tháng 9/2016 cho đến nay. Vì vậy bà N đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ giải quyết ly hôn cho bà N và ông T vì tình cảm của bà N đối với ông T không còn nếu cố níu kéo cũng không

có hạnh phúc.

- *Về con chung*: Bà N và ông T có hai con chung là cháu Nguyễn Hữu Nhật M - sinh ngày 03/8/2010 và cháu Nguyễn Thảo A- sinh ngày 08/11/2013. Kể từ tháng 9/2016 cho đến nay do mâu thuẫn vợ chồng đã quá căng thẳng nên bà N và 02 cháu đã đi thuê nhà ở tại Số nhà 122A, tổ dân phố 22, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, hiện tại các cháu vẫn đang ở với bà N. Thu nhập bình quân từ lương của bà N tại Ban quản lý dự án các công T giao thông tỉnh Điện Biên (trước đây là Ban quản lý các dự án giao thông trọng điểm tỉnh Điện Biên) mỗi tháng là 9.000.000 đồng (BL: 36), ngoài ra bà N còn làm thêm ở ngoài được khoảng 7.000.000 đồng/tháng. Còn thu nhập của ông T từ nghề xây dựng tự do thì thất thường, không ổn định (có tháng được khoảng 8.000.000 đồng nhưng có tháng không có thu nhập), việc làm ăn của ông T gần đây gặp khó khăn. Với mức thu nhập như trên và có chỗ ở ổn định cho 03 mẹ con bà N thấy bản thân mình có đủ điều kiện về thời gian cũng như về kinh tế để nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu trưởng thành. Để đảm bảo được quyền lợi cho các cháu bà N đề nghị Tòa án thành phố Điện Biên Phủ giải quyết việc nuôi con theo nguyện vọng trên của bà. Tại đơn khởi kiện bà N yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Nguyễn Thảo A 01 tháng là 2.000.000 đồng bà nhưng tại phiên tòa bà N chỉ yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Thảo A là 1.000.000 đồng/tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày Tòa án xét xử sơ thẩm (05/7/2017).

- *Về con riêng và con nuôi*: Không có.

\*) *Về tài sản*: Không có.

\*) *Về nợ*: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả hỏi tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của nguyên đơn tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:*

**1. Về tố tụng**: Đây là vụ án Ly hôn giữa bà Phạm Thị Thúy N và ông Nguyễn Hữu T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Hữu T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án liên quan đến việc giải quyết vụ án nhưng ông T vẫn không đến tham gia phiên tòa. Xét thấy, sự vắng mặt của ông T không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

### 2. Về nội dung

\*) *Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông T là hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện được pháp luật công nhận, bà N cho rằng cuộc sống chung của ông bà nảy sinh nhiều mâu thuẫn và ngày càng nghiêm trọng, không thể hàn gắn được nên ông bà đã sống ly thân với nhau từ tháng 9/2016 cho đến nay (được

chứng minh tại BL: 34, 35, 37). Cho đến nay bà N không còn tình cảm với ông T nữa nên có nguyện vọng được ly hôn. Sau khi thụ lý vụ án ông T không trả lời thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và cũng không đến tham gia phiên hòa giải để trình bày quan điểm của mình, điều đó đã thể hiện ông T chưa thực sự có thiện chí đoàn tụ. Vì vậy không có căn cứ để chứng minh rằng cuộc sống chung của bà N và ông T vẫn hòa thuận, hạnh phúc. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy cần xử cho bà N được ly hôn với ông T là phù hợp với quy định tại điều 56 Luật HN và GD năm 2014.

*\*) Về con:*

- *Về con chung:* Bà N và ông T có hai con chung là cháu Nguyễn Hữu Nhật M - sinh ngày 03/8/2010 và cháu Nguyễn Thảo A - sinh ngày 08/11/2013. Tại đơn khởi kiện bà N có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai cháu và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Nguyễn Thảo A 01 tháng là 2.000.000 đồng nhưng tại phiên tòa bà N chỉ yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Thảo A là 1.000.000 đồng/tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày Tòa án xét xử sơ thẩm. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án ông T không hề có ý kiến gì về việc nuôi con, còn bà N tha thiết có nguyện vọng được nuôi dưỡng chăm sóc cả hai cháu và tại phiên tòa bà N yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Nguyễn Thảo A 1.000.000 đồng/tháng vì tại thời điểm hiện nay thu nhập của ông T thất thường, không ổn định, việc làm ăn gặp nhiều khó khăn. Hội đồng xét xử xét thấy bà N có thu nhập và có chỗ ở ổn định, có điều kiện về thời gian, căn cứ vào những chi phí tối thiểu cho việc nuôi dưỡng, học hành của cháu Thảo Anh; căn cứ vào mức lương tối thiểu hiện nay cũng như về mặt bằng giá cả thực tế tại địa phương, xuất phát từ lợi ích về mọi mặt của các cháu, Hội đồng xét xử cần giao cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả 02 cháu và buộc ông T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Thảo A mỗi tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) kể từ ngày xét xử sơ thẩm 05/7/2017 là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân gia đình.

- *Về con riêng và con nuôi:* Không có.

*\*) Về tài sản:* Không có.

*\*) Về nợ:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\*) Về án phí:* Bà Phạm Thị Thúy N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (án phí ly hôn) theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

***Vì các lẽ trên;***

**QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

**1. Về hôn nhân:** Bà Phạm Thị Thúy N được ly hôn với ông Nguyễn Hữu T.

**2. Về con chung:**

2.1. Giao 02 con chung là Nguyễn Hữu Nhật M - sinh ngày 03/8/2010 và Nguyễn Thảo A- sinh ngày 08/11/2013 cho bà Phạm Thị Thúy N trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Ông Nguyễn Hữu T phải đóng góp nuôi con với bà N số tiền là 1.000.000 đồng/tháng (Một triệu đồng một tháng) kể từ ngày xét xử sơ thẩm (05/7/2017) cho đến khi cháu Thảo A thành niên (đủ 18 tuổi).

Ông T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung. Bà N cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ), Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

- **Về con riêng, con nuôi:** Không có.

**3. Về tài sản:** Không có.

**4. Về Nợ:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án bà Phạm Thị Thúy N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (án phí ly hôn) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số AA/2016/0001336 ngày 21/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên; Bà N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Hữu T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con trong vụ án ly hôn).

*“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự - người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

Áp dụng Điều 243, 245 Bộ luật tố tụng dân sự bà Phạm Thị Thúy N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (05/7/2017). Ông Nguyễn Hữu T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát ND thành phố ĐBP;
- UBND xã Th, huyện Th, tỉnh Thái Bình;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục Thi hành án DS thành phố ĐBP;
- Toà án tỉnh Điện Biên;
- Chánh án;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Vũ Thị Tuyền**



